

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	2	HĐTN (Nhàn)			GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Toán (Trưởng)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)
	3				Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	GDQP (Hiếu)	Sinh học (Đức)	GDTC (Nhà)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch sử (Huệ)
	4				Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch sử (Huệ)
	5										
Thứ 3	1	Ngữ Văn (Quân)	GDTC (Tâm)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Vĩnh)	Tin học (Tuấn)	Sinh học (Đức)	Hóa học (Nga)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Toán CĐ (Thư)	GDKT&PL (Vũ)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Công nghệ (Mạnh)	Sinh học (Đức)
	3	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vũ)	Lịch sử (Hương)	Vật lí (Dũng)	Toán CĐ (Thư)	Lịch sử (Huệ)	Hóa học (Sếnh)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Phượng)
	4	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	GDDP (Nga)	Hóa học (Sếnh)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	Toán CĐ (Thư)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 4	1	Toán (Trưởng)	GDKT&PL (Vũ)	GDTC (Tâm)	Vật lí (Dũng)	Tin học (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Sinh (Đức)	Địa lí (Chính)
	2	Toán (Trưởng)	Sinh học (Ngát)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	GDDP (Tập)	Địa lí (Chính)
	3	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Địa lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Trưởng)	Sinh học (Đức)	GDDP (Tập)	GDKT&PL (Vũ)	GDTC (Tâm)
	4	GDTC (Tâm)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)	Địa lí (Vĩnh)	Công nghệ (Trưởng)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Sinh học (Ngát)	GDKT&PL (Vũ)
	5										
Thứ 5	1	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Trưởng)	Toán (Mạnh)	GDTC (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Tin học (Tuấn)
	2	GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Toán (Trưởng)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Địa lí (Vĩnh)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	GDDP (Thư)
	3	Lịch sử (Hương)	GDTC (Tâm)	GDKT&PL (Vũ)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Linh)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Sinh học (Đức)
	4	Sinh học (Ngát)	Lịch sử (Hương)	GDTC (Tâm)	Sinh học (Đức)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)	Công nghệ (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	5										
Thứ 6	1	Địa lí (Thảo)	GDDP (Nga)	Tiếng anh (Dung)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Trang)	GDTC (Tâm)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Phượng)	GDTC (Nhà)	Ngữ Văn (Quân)
	2	GDDP (Nga)	Ngữ Văn (Linh)	Địa lí (Thảo)	GDTC (Tâm)	Lịch sử (Huệ)	Tin học (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Phượng)	Địa lí (Chính)	Ngữ Văn (Quân)
	3	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Linh)	Hóa học (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Chính)	Địa lí CĐ (Thảo)
	4	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Thảo)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	Lịch sử (Huệ)	Hóa học (Sếnh)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)
	5										
Thứ 7	1	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sếnh)	Toán (Q.Tâm)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Dung)
	2	Hóa học (Nga)	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Toán (Trưởng)	GDKT&PL (Vũ)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Tin học (Tuấn)
	3	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Công nghệ (Tuấn)	Công nghệ (Trưởng)	Hóa học (Sếnh)	Sinh học (Ngát)	Địa lí CĐ (Thảo)	GDKT&PL (Vũ)
	4	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)	Lịch sử (Huệ)	Tin học (Tuấn)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Lịch sử (Hương)	Sinh học (Ngát)	Toán (Phượng)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h15; Chiều thực hiện từ 14h00
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Hóa Học (Sếnh)	Công nghệ (Tuấn)	Công nghệ (Trưởng)	GDTC (Tâm)	HĐTN (Nhân)		
	2	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Trường)	GDĐP (Dũng)	GDĐP (Sếnh)	GDTC (Tâm)	GDQP (Hiếu)			
	3	Toán (Trường)	Toán (Q.Tâm)	Lịch sử (Hương)	GDQP (Hiếu)	GDTC (Tâm)	GDĐP (Tuấn)	GDĐP (Sếnh)			
	4										
	5										
Thứ 3	1	HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ TDTT			HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ VHVN				Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2								Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	3										
	4										
	5										
Thứ 4	1	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Linh)	Ngữ Văn (Quân)	HĐTN (Nhân)				Lịch sử (Hương)	CD Công Nghệ (Phượng)	GDQP (Hiếu)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sếnh)					GDTC (Nhạ)	GDQP (Hiếu)	GDTC (Tâm)
	3								GDQP (Hiếu)	GDTC (Nhạ)	Tin học (Tuấn)
	4										
	5										
Thứ 5	1	ÔN THI HSG			ÔN THI HSG				Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2								Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3										
	4										
	5										
Thứ 6	1	ÔN THI HSG			ÔN THI HSG						
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										